

BACH DANG GIANG IN MIDDLE AGES POETRY INSPIRATION

Hoang Thi Thu Giang

Ha Long University; Email: hoangthithugiang@daihochalong.edu.vn

Received: 28/10/2022; Reviewed: 03/11/2022; Revised: 06/11/2022; Accepted: 07/11/2022; Released: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/784>

Quang Ninh literature from the 10th century to the end of the 19th century is a part of national literature, inheriting and developing on the basis of the development of national culture and literature. It shows the relationship between the locality and the whole country in terms of literature and art. The theme in Quang Ninh's poetry in the medieval period, besides the sacred mountains of Yen Tu, Dong Trieu land and Ha Long scenic spot, to be mainly praising the Bach Dang river, where there were waves of victories, thereby expressing the love of the homeland, the melancholy feelings of the authors. However, the appearance of Quang Ninh literature in the 18th and 19th centuries is not clear and we need more research to have more specific literary information, contributing to preserving more valuable works.

Keywords: *Bach Dang river; Poetry of Middle Ages; Poetry; Quang Ninh literature.*

1. Đặt vấn đề

Văn học Quảng Ninh từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX là một bộ phận của văn học dân tộc, được thừa hưởng, phát triển trên nền tảng sự phát triển của văn hóa, văn học dân tộc. Nó thể hiện mối quan hệ giữa địa phương với cả nước trên bình diện văn học nghệ thuật. Đây là những tác phẩm có nội dung chính hoặc một phần quan trọng phản ánh thiên nhiên, xã hội, lịch sử, chứng tích lịch sử, đời sống xã hội, hình ảnh con người của Quảng Ninh. Đó cũng có thể là những tác phẩm của những người đến từ nơi khác, có quê ở nơi khác nhưng từng có một phần đời ngắn hoặc dài gắn bó với Quảng Ninh. Mảng văn học này là những đóng góp của mảnh đất Quảng Ninh cho nền văn học dân tộc với ý nghĩa vùng đất duyên hải Đông Bắc là nơi “đất lạ hóa quê hương”, nơi yêu thương và nuôi dưỡng, phát triển cảm hứng thi ca cho tâm hồn nghệ sĩ. Hầu hết, tác giả của nhóm tác phẩm này là các thiền sư, gồm thiền sư đời Lý và đời Trần, trong đó đặc biệt là mảng thơ thiền của Phật hoàng Trần Nhân Tông và Huyền Quang Lý Đạo Tái. Họ lấy dòng sông Bạch Đằng làm cảm hứng sáng tác và gửi gắm tâm tình, cảm xúc... Bài viết này tập trung khảo sát và phân tích các tác phẩm của các tác giả đó.

2. Tổng quan nghiên cứu

Từ trước tới nay cũng đã có một số bài viết bàn về vấn đề này như Lê Xuân Minh Thảo, “Bach Đằng giang trong thơ truyền thống” đăng trên Tạp chí điện tử Sông Hương, ngày 3/11/2017. Bài viết đã có những khái quát về sông Bạch Đằng, gợi dẫn và bình luận về một số bài thơ cổ trung đại viết về dòng sông này. Từ những câu chuyện lịch sử gắn với dòng sông này, ở phần cuối bài viết, tác giả đã gợi dẫn một bài thơ của Nguyễn Bình Khiêm và có những nhận định xác đáng: “Đặc biệt, vào giữa thế kỷ XVI một nhà thơ, nhà tiên tri số một trong lịch sử Việt Nam, Nguyễn Bình Khiêm đã để lại

cho nhân thế những câu thơ như một lời dự báo qua bài *Cự Ngao Đới Sơn*”:

Nước biển ngậm núi tiên trong tận đáy,

Con rùa lớn đội được bầu ngọc mà sinh ra.

Ngoi đầu lên, đá có sức và trời

Bấm chặn xuống, sóng cuộn cuộn không đội tiếng vào đất.

Biển Đông vạn dặm đưa về nắm trong bàn tay,

Muôn năm cõi Nam đặt vững cảnh trị bình...

Chính vì đại thắng của Ngô Quyền thuở xưa mà dòng sông này trở nên gắn bó sâu sắc với biển Đông. Nhà văn hóa Nguyễn Khắc Mai đã từng phân tích, hai câu thơ đầy tính dự báo chiến lược “Vạn dặm biển Đông phải quay về nắm lấy trong bàn tay. Làm được như vậy, mà phải làm được như vậy - làm chủ được biển Đông, thì muôn đời cõi trời, đất nước Nam này sẽ vững vàng trong cảnh thanh bình thịnh trị lớn lao!” Bài thơ trên đã viết cách đây 500 năm mà bây giờ càng đọc càng thấy rất thời sự, cụ Trưng Trắc đã nhìn ra được sự quan trọng của biển Đông đối với vận mệnh của đất nước. Tâm nhìn của cụ đã vượt thời gian và không gian. Hai câu thơ đầy tính dự báo chiến lược của Nguyễn Bình Khiêm càng lay động từ đáy sâu của ý chí, của tâm hồn tâm thức biển đảo của người Việt”.

Tác giả Trương Thiệu Huyền trong bài viết “Thơ về một dòng sông lịch sử” cũng có những nhận định và gợi dẫn về một số bài thơ nổi tiếng của các nhà thơ trung đại khi viết về sông Bạch Đằng. Theo thông tin của tác giả bài viết, sông Bạch Đằng hiện lên là một dòng sông lịch sử, đây tự hào của cha ông một thuở và âm hưởng của những chiến công này đã vang vọng trong rất nhiều áng thi ca trung đại và hiện đại. Nhiều bài về dòng sông này, như *Bạch Đằng giang phú* (Trương Hán Siêu); *Bạch Đằng hải khẩu* (Nguyễn Trãi)... đã có mặt trong sách giáo khoa...

Nhìn chung, từ trước tới nay cũng đã có một số công trình nghiên cứu nhắc đến nội dung các tác phẩm thi ca viết về Bạch Đằng giang lịch sử. Tham khảo các bài viết đi trước, trên cơ sở khảo cứu một cách công phu, bài viết sẽ cố gắng làm rõ thêm về hình tượng con sông này trong thơ ca trung đại Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận lịch sử và vận dụng kết hợp phương pháp hệ thống, loại hình học tác phẩm văn học để khảo sát và luận giải vấn đề về hình tượng sông Bạch Đằng trong thơ văn trung đại Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

Cửa sông Bạch Đằng, vốn được Nguyễn Trãi xếp vào là nơi “phên giậu” của đất nước bởi vị trí đặc địa của nó: “Sông Vân Cù (tên cổ của Bạch Đằng) rộng 2 dặm linh 69 trượng, sâu 5 thước, núi non cao vọt, nước suối giao lưu, sóng tung lên tận trời, cây cối lấp bờ, thật là nơi hiểm yếu”. Nói như Phan Huy Chú thì “Sông Bạch Đằng là nơi có tiếng thứ nhất trong những chỗ xung yếu. Các đời phần nhiều lập nên chiến công ở chỗ này” (*Lịch triều hiến chương loại chí*). Còn một số sử quan nhà Nguyễn trong *Đại Nam nhất thống chí* thì nhận xét rằng “Nước ta không chê người Bắc, sông này là chỗ cô hòng”. Với người Quảng Yên, sông Bạch Đằng, còn gọi là sông Rừng, hiểm trở đến nỗi nó đã đi vào ca dao: “Con ơi nhớ lấy lời cha/ Gió nồm, nước rặc chớ qua sông Rừng”. Với lịch sử dân tộc, Bạch Đằng giang giữ một vị trí vô cùng thiêng liêng. Lịch sử Việt Nam, nếu tóm gọn 4000 năm lịch sử bằng các sự kiện lớn, thì bước đầu tiên: Hùng Vương hạ trại; bước thứ hai: Trưng Trắc đập thành; bước thứ ba: Ngô Quyền rẽ sóng thênh thênh; bước thứ tư: Thời đại con cháu Hồ Chí Minh sừng sững. Và Bạch Đằng giang tỏa sáng từ bước đi thứ ba của dân tộc, với chiến công hiển hách của Ngô Quyền - đánh thắng quân Nam Hán năm 938, kết thúc gần 1000 năm Bắc thuộc. Ca dao có câu:

Sâu nhất là sông Bạch Đằng

Ba lần giặc tới ba lần giặc tan

Cũng chính vì vị trí thiêng liêng đó mà Bạch Đằng giang luôn là cảm hứng lớn của các thi sĩ Việt Nam từ thời “Ngô Quyền rẽ sóng thênh thênh”, ẩn vào từng mạch thơ khi viết về lòng yêu nước, về tinh thần dân tộc trước hiểm họa giặc ngoại xâm. Theo dòng lịch sử, Bạch Đằng cùng những cái tên Đông Đa, Chi Lăng, Điện Biên Phủ luôn âm vang trong hào khí của dân tộc Việt Nam.

Năm 938, với việc Ngô Quyền lãnh đạo nhân dân đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, dân tộc ta đã thoát khỏi ách đô hộ gần nghìn năm Bắc thuộc, giành quyền độc lập tự chủ, tiến lên xây dựng nước Đại Việt hùng cường. Trong đoạn văn “ngũ lục” nổi tiếng của Ngô Quyền về kế hoạch đánh trận Bạch Đằng có tên *Dự đại phá Hoảng Thao chi kế* (Kế đánh tan quân Hoảng Thao), sông Bạch Đằng của vùng đất Quảng Ninh đã hiện

những ưu thế để quân ta bày trận diệt thù.

Nói về thơ văn lấy sông Bạch Đằng làm thi đề, chắc chắn không thể không nhắc tới *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu (? - 1354). Từng là môn khách của Trần Hưng Đạo, Trương Hán Siêu (tên chữ là Thăng Phủ) được ước đoán sinh năm 1275, từng phục vụ cả 5 đời vua Trần, và chính thức làm quan ở 4 đời vua, từ Trần Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông đến Dụ Tông, làm tới chức Tham tri chính sự (1351, đời Trần Dụ Tông). Khi mất (1354), Trương Hán Siêu được truy tặng Thái Bảo, năm sau lại truy tặng Thái Phó. Quê huyện Yên Ninh, lộ Trường Yên, nay là thành phố Ninh Bình, Trương Hán Siêu là một trí thức kiến văn thâm hậu, tính tình cương trực, được vua và triều đình nể trọng, sau khi mất được phôi thờ ở Văn Miếu Thăng Long (1372). Đó là một vinh dự ít người có được. Sáng tác của Trương Hán Siêu hiện còn khoảng 80 bài thơ và một số bài văn, trong đó Phú sông Bạch Đằng được người đời đánh giá là tác phẩm đặc sắc nhất của ông, cũng là một áng “thiên cổ hùng văn” rực rỡ của nền văn chương nước nhà.

Bạch Đằng giang phú (Phú sông Bạch Đằng) được xác định có thể ra đời vào khoảng 50 năm sau chiến thắng Bạch Đằng. Căn cứ vào tinh ý của bài phú, nhất là câu “Đến bên sông chừ hồ mặt/ Nhớ người xưa chừ lệ chan” (Hoài cô nhân hề vẫn thể/ Lâm giang lưu hệ hậu nhan), các nhà nghiên cứu ước đoán *Bạch Đằng giang phú* có thể được Trương Hán Siêu viết ở thời Trần Dụ Tông, khi mà chính sự triều Trần đang ở thời kỳ ảm đạm, suy vong. Là một đại thần có trọng trách lớn, địa vị cao, công lao nhiều, trải mấy đời vua Trần mà không có cách gì làm cho triều chính trở lại quang minh nên Trương Hán Siêu cảm thấy hồ thẹn (hậu nhan) với người xưa, nhất là trước âm hưởng hào hùng như vẫn còn sục sôi cuộn chảy của Bạch Đằng lịch sử.

Trọng tâm của bài phú về sông Bạch Đằng không ở những cảm xúc hoài cổ bi thiết, mà ở chính sự ngợi ca những chiến công ở khúc sông này, trong lịch sử chống ngoại xâm và đặc biệt là ở đời Trần.

Và đây là trận đánh giặc Nguyên Mông cũng trên quãng sông này: “*Đương khi ấy: Thuyền bè muôn đội, tinh kỳ pháp phới/ Hùng hổ sáu quân, giáo gươm sáng chói/ Trận đánh được thua chưa phân/ Chiến lũy bắc nam chống đời*”... Đó chính là những hình ảnh được dựng lên ở tầm khái quát, toàn cảnh, giữa địch và ta. Đây là trận đánh có ý nghĩa chiến lược, quyết chiến để giành toàn thắng với ta... Đoạn phú miêu tả khí thế của chiến trường được đánh giá đã đạt đến độ tuyệt kỹ, hùng lực hào khí Đông A, thể hiện ý chí quyết chiến quyết thắng của quân dân Đại Việt.

Sau này, sông Bạch Đằng còn là thi hứng của biết bao nhà thơ khác: Vua Trần Minh Tông với *Bạch Đằng Giang*, Nguyễn Sưởng cũng có *Bạch Đằng giang*, Nguyễn Trãi có *Bạch Đằng hải khẩu*, Vũ Mộng Nguyên có *Hậu Bạch Đằng giang phú*, đến sông Bạch Đằng trong thơ văn thời hiện đại,

nhưng bài phú của Trương Hán Siêu mới là tác phẩm thể hiện được đầy đủ nhất, sinh động nhất những tinh túy của nghệ thuật văn chương khi viết về chiến công trên sông Bạch Đằng.

“Sông Bạch Đằng vẫn còn đây, luồng to sóng lớn dồn về bể Đông/ Những người bất nghĩa tiêu vong, chỉ còn mãi lưu danh những anh hùng hy sinh vì nước”. Đó chính là sự công minh của lịch sử. Các vua Trần, Thánh Tông và Nhân Tông, những anh hùng hữu danh và vô danh khác cùng dòng sông Bạch Đằng mãi đi cùng lịch sử hào hùng của dân tộc. Kết luận, tác giả viết: *Giặc tan muôn thuở thanh bình/ Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao!*

Chiến thắng Bạch Đằng quyết định thắng lợi cuộc chiến tranh chống giặc Nguyên Mông lần thứ ba có nhiều yếu tố hợp thành. Tuy nhiên, tác giả nhấn mạnh vào chữ “Đức”, Đức cao. Ở đây, Trương Hán Siêu thể hiện một quan điểm hoàn toàn biện chứng. Đức ở đây được xem như là một phạm trù mở, là tài năng chỉ đạo chiến tranh kiệt xuất của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, là ý chí của các vua Trần, là sự đoàn kết của tầng lớp lãnh đạo, là quân dân một dạ, là nhiệt tình yêu nước và ý chí quyết chiến quyết thắng của cả dân tộc, là sự giúp đỡ của tổ tiên, cùng sự linh ứng của trời đất... Địa lợi (đất hiểm) đương nhiên là rất quan trọng, nhưng quyết định thắng lợi, tựu chung và yếu tố tiên quyết, vẫn là ở Đức cao, Nhân hòa vậy!

Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu là một trảng ca bất hủ. Âm điệu của bài phú chuyển hóa theo mạch tâm tư, khi thê lương tiêu sái, khi khắc khoải ngậm ngùi, khi cuộn sóng hào sảng, phơi phới tự hào, khi lặng lẽ trầm lắng suy tư. Mạch văn linh hoạt, biến ảo thực hư, diễn tả rất thành công sự chuyển đổi sinh động của cảm xúc, xứng đáng được suy tôn là áng thiên cổ hùng văn.

Tiếp nối *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu ta có *Bạch Đằng giang* của Nguyễn Sưởng (hiệu Thích Liên; thế kỷ XIV).

*Mỏ thù như núi cỏ cây tươi
Sóng biển gầm vang đá ngát trời.
Sự nghiệp Trưng Hưng ai dễ biết?
Nửa do sông núi nửa do người.*

(Đào Phương Bình dịch)

Bài thơ ngắn chỉ 4 câu nhưng đã tổng kết được đầy đủ những chiến tích trên sông Bạch Đằng. Tào hóa đã sắp đặt sẵn nơi đây thành đất hiểm, dữ dội, linh thiêng. Con người, với trí tuệ, tài năng đã biến nơi đây thành chiến địa chôn vùi tham vọng ngông cuồng của bất cứ bọn xâm lược ngoại bang nào, bất kể chúng từ đâu tới. Trong mắt Nguyễn Sưởng, sông Bạch Đằng hiện lên hùng vĩ, oai linh và đầy sức sống. Thực chất, ở đây có một lập luận logic: Chiến thắng năm xưa là cội nguồn của cuộc sống tươi đẹp hôm nay, sức sống của hiện tại bắt nguồn từ chiến công trong quá khứ. Mặc cho thời gian và biến thiên của lịch sử, Bạch Đằng vẫn giữ khí chất oai hùng, sức mạnh vô song của mình, sẵn sàng xung trận khi

Tổ quốc bị lâm nguy, ngoại xâm thách thức, gây gổ.

Cũng như *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu, *Bạch Đằng giang* của Nguyễn Sưởng khẳng định sự nghiệp giữ nước dựng nước có được thành công là bởi “địa lợi - nhân hòa”: “Giặc tan muôn thuở thanh bình/ Bởi đâu đất hiểm cốt mình đức cao” (Trương Hán Siêu). “Sự nghiệp Trưng Hưng ai dễ biết?/ Nửa do sông núi nửa do người” (Nguyễn Sưởng).

Vua Trần Minh Tông cũng có *Bạch Đằng giang*, trong đó có đoạn:

Non sông này xưa nay đã hai lần mở mắt,

Cuộc hơn thua giữa Hồ và Việt thoáng qua như một lúc dựa vào lan can

Nước sông chan chứa rọi bóng mặt trời cuối ngày đỏ ối

Còn ngờ là máu chiến trường thuở trước chưa từng khô

Tiếp theo phải kể đến *Bạch Đằng hải khẩu* (Cửa Biển Bạch Đằng) của Nguyễn Trãi (1380-1442): “Tại Thủy Đường huyện, vì quan hà danh thắng đệ nhất. Hoa Phong, Yên Hưng, Hoàn Bô tam huyện phân xứ, giang tả ba đào tề thiên, trung sơn trĩ lập; hải môn chi đông vì Quảng Đông, Khâm Châu khứ sở bách lý thị Phân Mao Linh. Trần thời Nguyên binh lai xâm, Hưng Đạo ư thủ thực thung cảm kỳ tướng Toa Đô”.

Sóc phong suy hải khí lã lã

Kinh khởi ngâm phạm quá Bạch Đằng

Ngạc đoạn kinh khoa sơn khúc khúc

Quá trầm kích triết ngạn tầng tầng

Quan hà bách nhị do thiên thiết

Hào kiệt công danh thủ địa tầng

Vãng sự hồi đầu ta dĩ hĩ

Lâm lưu phủ ý nan thăng.

Dịch nghĩa: “Ở huyện Thủy Đường, là nơi danh thắng, núi sông đẹp vào bậc nhất. Sông Bạch Đằng thuộc vào địa phận ba huyện Hoa Phong, Yên Hưng, Hoàn Bô, bên tả sông sóng nước cuộn lên ngát trời, núi non đứng sừng sững, phía đông cửa biển là đất Khâm Châu thuộc tỉnh Quảng Đông, cách vài trăm dặm thì đến núi Phân Mao. Đời Trần, quân Nguyên sang xâm chiếm nước ta, Hưng Đạo Vương cho cắm cọc ở đây, bắt được tướng giặc là Toa Đô”.

Bản dịch *Cửa biển Bạch Đằng* của Khương Hữu Dụng:

Biển lùa gió thổi băng băng

Nhẹ kéo buồm thơ vượt Bạch Đằng

Ngạc chật kinh băng: non lờm chòm

Giáo chìm gươm gậy: bãi dăng dăng

Quan hà hiểm trở trời kia dựng

Hào kiệt công danh đất ấy từng

Việc cũ ngoảnh đầu, ôi đã dứt

Dòng trôi tìm bóng dạ băng khuâng.

Chiến công trên sông Bạch Đằng vào năm 1288 của các vua Trần và Trần Quốc Tuấn, cùng với đại thắng của Ngô Quyền trong thuở xưa, đã khiến cho dòng sông này trở nên gắn bó sâu sắc với lịch sử dân tộc Việt Nam. Trước dòng sông Bạch Đằng dừng mãi, Nguyễn Trãi cũng như bao anh hùng tiền nhân đã trào dâng xúc cảm gắn bó tự hào. Trên chiếc thuyền buồm đi qua cửa Bạch Đằng, trong mùa gió bắc, nương theo gió, Bạch Đằng hiện lên trong tâm mắt của bậc anh hào là đây: Núi non lớp lớp nối tiếp nhau, chen vai thích cánh như lũy như thành, như cá sấu bị chặt (ngạc đoạn), như cá kình bị mổ (kình khoa). Rồi ngọn ngang chông chắt gò đồng, ngòi lạch, hiện lên như thể những mũi qua chìm (qua trầm), những ngọn kích gãy (kích chiết) bên bờ sông...

Trong tả cảnh, liệt kê này có sự liên tưởng so sánh khoa trương, nhưng là một sự liên tưởng khoa trương rất chính xác và hấp dẫn. Hơn thế, tả cảnh vật mà tác giả như đang dựng lại, tái hiện lịch sử oai hùng của những trận chiến ác liệt như vừa mới diễn ra ở chính nơi này, với một cảm hứng vô cùng hào sáng. Người đọc có thể hình dung như thấy khúc sông này đang sôi lên với tiếng hò reo dậy đất, tinh kỳ phấp phới, “*Trận đánh thư hùng chưa phân/ Chiến lũy bắc nam chống đối/ Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ/ Bầu trời đất chừ sắp đổi*” (Trương Hán Siêu - Phú sông Bạch Đằng)...

Phải có một tâm hồn khoáng đạt, một trí tuệ, kiến thức sâu rộng và khả năng liên tưởng tài hoa mới có thể sáng tạo được những câu thơ tràn đầy hào khí anh hùng liễm liệt như vậy. Mượn điển tích của Sử ký bên Tàu, nói rằng hai vạn quân Tần có thể đánh thắng được hai trăm vạn quân các nước chư hầu, như hai người lính chốt giữ nơi hiểm yếu có thể địch nổi vài trăm quân đối phương, Nguyễn Trãi chỉ cho ta thấy địa thế hiểm trở của Bạch Đằng có thể làm tiêu vong cuồng vọng của bất kỳ đội quân xâm lược nào, cho dù chúng có thể rất hùng hậu và thiện chiến đến đâu chăng nữa. Trời đất đã sắp đặt cho ta quan hà hiểm yếu ở chính nơi đây (thử địa tàng) để chống kẻ cuồng ngông và tàn bạo là giặc dữ phương Bắc.

Chính sử còn ghi việc Nguyễn Trãi có thời gian được giao quản lý vùng Đông Bắc dưới triều vua Lê Thái Tông, quãng từ khoảng 1439-1442, trước khi xảy ra vụ án Lệ Chi viên oan khuất, nên ông cũng thường phải đi kiểm tra công việc ở vùng đất mình cai quản. Có thể thấy, đây là thời điểm mà tâm trạng Nguyễn Trãi có phần phẫn khích. Hoàn cảnh ấy giúp ta hiểu và thêm yêu thương khoảnh khắc này, một tâm trạng lảng lảng, rung rung tự hào của đại anh hùng trước lịch sử dân tộc.

Cùng thời với Nguyễn Trãi, danh sĩ Nguyễn Mộng Tuân có bài “Hậu Bạch Đằng Giang Phú”, với phần mở đầu đầy hoài niệm:

*Ngắm sông Đằng bát ngát
Nhớ Hưng Đạo oai phong
Miền Hải Đông vang lừng nhờ có sông Đằng*

oanh liệt

Dòng họ Trần bất diệt nhờ có chiến công Bạch Đằng bất hủ

Bài thơ ấy đã tôn vinh công đức của các vua Trần, cũng với biết bao vị kiệt tướng cùng với toàn dân đồng lòng chiến đấu, gây nên thảm họa Bạch Đằng cho quân xâm lược Nguyên Mông, đến mức mà: “Tiếng thét vang trời, núi non tưởng chừng sạt đĩnh; mây trôi đầy biển, tôm cá được dịp đầy nang!/ Thế ta bưng bưng, trận Xích Bích nào sánh kịp; cảnh giặc hoảng loạn, gió Hoài, Phi nọ truyền sang!”.

Tiếp bước tiền nhân, kế thừa ý thức về độc lập và tự cường dân tộc từ các triều đại, anh hùng lớp trước, vua Lê Thánh Tông - vị vua đã đưa Đại Việt quật khởi thành một cường quốc trong khu vực Đông Nam Á ở thế kỷ XV, trong những vần thơ tài hoa của mình đã đặc biệt chú trọng biểu dương, ca ngợi đất nước An Nam vừa vô cùng tươi đẹp như một xứ sở kỳ diệu bậc nhất trên thế gian vừa oai hùng, hiên hách. Những vần thơ viết về chiến thắng Bạch Đằng của ông nằm trong mạch cảm hứng hào sáng này:

*Leo leo doanh xanh nước tựa dầu,
Trăm ngòi ngàn lạch chảy về châu.
Rửa không thay thủy thẳm Ngô đại
Già (giữ) mọi láng láng khách Việt hầu.*

Như vậy, có thể thấy, từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XV, có một Bạch Đằng giang chảy mạnh mẽ trong thơ văn trung đại, từ thơ của các bậc đế vương tới các văn thân, võ tướng, các bậc đại học sĩ, các danh anh hùng,... Nhưng từ thế kỷ XVI tới hết thế kỷ XIX, mạch thơ về sông Bạch Đằng có phần chảy chậm lại, thậm chí có thể nói là thưa vắng. Ở giai đoạn 4 thế kỷ thuộc nửa sau của văn học trung đại, qua khảo sát, tìm kiếm, chúng tôi chưa tìm được sáng tác nào đáng chú ý về Bạch Đằng giang, ngoài *Bạch Đằng chiến* của vua Tự Đức.

Vua Tự Đức - người có thời gian trị vì lâu dài nhất của nhà Nguyễn đã có 5 bài thơ về đất và người vùng Đông Bắc: Một bài vịnh Trần Thi Kiến - vị quan thanh liêm đời Trần người Đông Triều, hai bài thơ mừng Quảng Yên đánh thắng giặc biển người nước Thanh, một bài thơ ca ngợi tướng Trần Khánh Dư với chiến thắng Vạn Đồn và bài *Bạch Đằng chiến* mang khẩu khí rắn rỏi, dũng mãnh của hào khí Đông A và có sự biến cách về thể loại rất rõ:

*Bạch Đằng chiến (Bạch Đằng đánh giặc):
Bạch Đằng giang điện ba lưu cấp
Bạch Đằng giang tâm trung đặc lập
Kì binh thốc tẩu, hựu thốc lai
Bạch vạn Hán quân ngư phúc nhập
Công Tiền quốc
Hoàng Thao cầm
Quy mô diện vận do nhất tâm
Bạch Đằng giang thủy vị vị thâm
Bạch Đằng chiến (Dịch thơ):
Mặt sông Bạch Đằng dòn dập sóng*

Lòng sông Bạch Đằng cọc dựng đứng
Kì binh xúc tới, thoát lại lui
Trăm ngàn quân Hán bụng cá chui
Chém Công Tiên
Bắt Hoàng Thao
Do biết một lòng - mưu mẹo cao
Đâu phải Bạch Đằng nước quá sâu

(Tống Khắc Hải dịch)

Bài thơ này, dù đọc vào thời điểm nào của năm tháng, chúng ta đều thấy như được truyền nguồn sức mạnh dũng cảm, kiên cường vào huyết quản. Âm hưởng ngân rung hào sảng của nó trở thành điểm tựa tự cường cho dân tộc trước những thách thức bờ cõi mới.

5. Thảo luận

Cùng với đề tài ca ngợi non thiêng Yên Tử, Đông Triều, những vần thơ ngợi ca Bạch Đằng giang đã khiến cho nội dung thơ văn viết về xứ Quảng Ninh trở nên phong phú và hấp dẫn hơn. Sông Bạch Đằng, nơi từng dậy sóng những chiến công một thuở oanh liệt của cha ông đã vĩnh viễn lưu lại dấu ấn đẹp đẽ của nó qua các trang viết của cha ông. Cũng qua đó, các tác giả có điều kiện bày tỏ, thể hiện lòng yêu quê hương đất nước, nỗi niềm tâm sự u hoài về một quá vãng tươi đẹp. Tiêu biểu nhất là vua Tự Đức có năm bài thơ viết về đất và người

vùng duyên hải Đông Bắc. Tuy nhiên diện mạo văn học Quảng Ninh giai đoạn thế kỷ XVIII, XIX chưa rõ nét và chúng ta cần thêm nhiều nghiên cứu để có những thông tin văn học cụ thể hơn, góp phần lưu giữ được nhiều hơn những sáng tác giá trị. Như vậy, ở mỗi thời đại khác nhau, với những biến thiên lịch sử, cảm quan của những anh hùng, danh sĩ cũng có sự đổi thay. Nhưng dù hiện lên ở góc độ nào, người Quảng Ninh muốn đời sau luôn trân trọng với lịch sử và tiền nhân. Bởi nhờ họ, mảnh đất, con người nơi đây mãi được nhắc nhớ, lưu dấu trong bảo tàng ký ức của dân tộc.

6. Kết luận

Như vậy, có thể thấy đề tài trong văn thơ Quảng Ninh thời kì trung đại, bên cạnh non thiêng Yên Tử, vùng đất Đông Triều - triều đình phía Đông của nhà Trần và thắng cảnh Hạ Long thì chủ yếu là ca ngợi sông Bạch Đằng. Hiện lên qua các trang thơ của các tác giả thời trung đại, sông Bạch Đằng là niềm tự hào vô bờ của nhân dân Quảng Ninh nói riêng, nhân dân cả nước nói chung. Cảm hứng ngợi ca, giọng văn hào sảng, khoáng đạt, ngôn từ bay bổng đã làm nên chất men say của những thi hứng mà vẻ đẹp của nó đã nằm ngoài cả những diễn đạt ngôn từ, chạm vào miền ký ức sâu thẳm nhất của mỗi con dân đất Việt. Đó chính là đóng góp to lớn của các tác giả văn học trung đại vào dòng chảy của văn học Quảng Ninh nói riêng, văn học cả nước nói chung.

Tài liệu tham khảo

Chi, N. H. (1998). Hiện tượng hội nhập văn hóa dưới thời Lý Trần - Nhìn từ một trung tâm Phật Giáo tiêu biểu: Quỳnh Lâm. *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

Lý, N. C. (2002). *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần, diện mạo và đặc điểm*. Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. (1977). *Thơ văn Lý Trần, tập I* (H. Chi & B. Thanh, dịch).

Thanh, T. T. B. (1978). *Những nghĩ suy từ văn học trung đại*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Thục, N. Đ. (1997). *Thơ Thiền Việt Nam*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.

BẠCH ĐẰNG GIANG TRONG CẢM HỨNG THƠ VĂN TRUNG ĐẠI

Hoàng Thị Thu Giang

Trường Đại học Hạ Long; Email: hoangthithugiang@daihochalong.edu.vn

Nhận bài: 28/10/2022; Phản biện: 03/11/2022; Tác giả sửa: 06/11/2022; Duyệt đăng: 07/11/2022; Phát hành: 18/11/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/784>

Văn học Quảng Ninh từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX là một bộ phận của văn học dân tộc, được thừa hưởng, phát triển trên nền tảng sự phát triển của văn hóa, văn học dân tộc. Nó thể hiện mối quan hệ giữa địa phương với cả nước trên bình diện văn học nghệ thuật. Đề tài trong văn thơ Quảng Ninh thời kỳ trung đại, bên cạnh non thiêng Yên Tử, vùng đất Đông Triều - “triều đình phía Đông” của nhà Trần và thắng cảnh Hạ Long thì chủ yếu là ca ngợi sông Bạch Đằng, nơi từng dậy sóng những chiến công, qua đó thể hiện tình yêu quê hương đất nước, nỗi niềm tâm sự u hoài của các tác giả. Tuy nhiên, diện mạo văn học Quảng Ninh giai đoạn thế kỷ XVIII, XIX chưa rõ nét và chúng ta cần thêm nhiều nghiên cứu để có những thông tin văn học cụ thể hơn, góp phần lưu giữ được nhiều hơn những sáng tác giá trị.

Từ khóa: Sông Bạch Đằng; Thơ văn Trung đại; Thi ca; Văn học Quảng Ninh.